TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐĂK LĂK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số 28/2018/DS-ST
Ngày 15 - 10 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng đầu tư,
mua bán nguyên liệu mía.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Hoà Quang Trường.

2.Ông Nguyễn Võ.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng đầu tư, mua bán nguyên liệu mía" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Đỗ Thị T sinh năm 1966. Địa chỉ: thôn Quyết Tâm, xã EaTih, huyện Eakar, tỉnh Đăk Lăk. Bà T có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: vợ chồng ông Nguyễn Văn H sinh năm 1972, bà Trương Hồng L sinh năm 1977. Địa chỉ: thôn 3, xã EaPil, huyện M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk. Ông H, bà L vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Thị Diệu H1 sinh năm 2004. Địa chỉ: thôn 3, xã EaPil, huyện M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện ngày 03/7/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đỗ Thị T trình bày:

Bà T đầu tư tiền, vật tư cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Trương Hồng L trồng mía từ nhiều năm. Ngày 31/5/2017, qua thanh toán, đối chiếu công nợ, vợ chồng ông H bà L xác nhận còn nợ bà T 114.000.000đồng tiền đầu tư. Vợ chồng ông H bà L ký giấy vay tiền ngày 31/5/2017 để xác nhận nợ bà T và cam kết đến cuối năm 2017 T hoạch mía, hạn cuối cùng là ngày 10/01/2018 sẽ bán mía cho bà T để khấu trừ nợ. Ngày 23/6/2017, bà L ứng thêm của bà T 5.000.000đồng để đầu tư chăm sóc mía.

Quá hạn, vợ chồng ông H bà L vẫn không bán mía cho bà T. Bà T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà L phải trả cho bà T 119.000.000đồng tiền gốc và 16.660.000đồng tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng, tạm tính đến ngày 30/6/2018. Tại phiên tòa, bà T rút một phần yêu cầu đơn khởi kiện, nếu phần yêu cầu khởi kiện của bà T về thời hạn tính tiền lãi, mức lãi vượt quá quy định của pháp luật theo giấy vay tiền ngày 31/5/2018 và giấy ứng tiền ngày 23/6/2017 không được Tòa án chấp nhận.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H và vợ là Trương Hồng L nhận tiền đầu tư của bà T để trồng mía từ nhiều năm. Ngày 31/5/2017, hai bên thanh toán với nhau, vợ chồng ông H thống nhất còn nợ bà T 114.000.000đồng và cam kết đến cuối năm sẽ trả nợ cho bà T. Tuy nhiên, sau đó bà T không đầu tư thêm tiền để ông H tiếp tục chăm sóc mía nên ông H không trả được nợ cho bà T. Bà L đã bỏ đi làm ăn xa và không cho ông H biết địa chỉ. Do đó, ông H không thể cung cấp địa chỉ của bà L cho Tòa án được. Ông H đã thông báo về nội dung đơn khởi kiện của bà T cho bà L biết qua số điện thoại liên hệ 0979.138.760, nhưng bà L không về giải quyết.

Ông H chấp nhận đơn khởi kiện của bà T về số tiền vợ chồng ông H nợ 114.000.000đồng theo giấy nhận nợ ngày 31/5/2017, ông H đang gặp khó khăn về kinh tế nên ông H không chấp nhận trả tiền lãi phát sinh của số tiền trên theo yêu cầu của bà T.

Về số 5.000.000đồng tiền bà L ứng của bà T vào ngày 23/6/2017, ông H không biết bà L ứng để sử dụng vào mục đích gì. Do đó, ông H không chấp nhận yêu cầu này của bà T.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2018, chị Nguyễn Thị Diệu H1 trình bày: chị H1 là con của ông H bà L. Bà L đi làm ăn tại tỉnh Lâm Đồng nhưng không cho biết địa chỉ cư trú. Chị Hiền đã báo cho bà L biết về việc Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà T, tuy nhiên bà L không về Tòa án để giải quyết, yêu cầu ông H ở nhà tự giải quyết với bà T tại Tòa án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc T thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn ông H không tham gia phiên tòa, bà Trương Hồng L không chấp hành đúng pháp luật tố tụng (không cung cấp địa chỉ cư trú).

- Về nội dung: Qua các các tài liệu, chứng cứ T thập trong hồ sơ vụ án. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà T: buộc bị đơn vợ chồng ông H bà L phải trả cho nguyên đơn bà T 114.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 31/5/2017 và 5.593.000đồng tiền lãi từ ngày 10/01/2018 đến ngày 15/10/2018 với lãi suất 0,83%/tháng; buộc bà L phải trả cho nguyên đơn bà T 5.000.000đồng theo giấy ứng tiền ngày 23/6/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[1.1] Nguyên đơn bà Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Trương Hồng L phải trả tiền nợ đầu tư trồng mía theo giấy vay tiền ngày 31/5/2017 và giấy ứng tiền ngày 23/6/2017. Đây là hợp đồng đầu tư và mua bán tài sản (nguyên liệu mía cây). Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã EaPil, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS, vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần trong yêu cầu tiền lãi phát sinh và thời hạn tính lãi trên số tiền bị đơn nợ nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu về tiền lãi trên số nợ gốc chênh lệch giữa mức lãi suất và thời hạn tính lãi kể từ ngày nguyên đơn đầu tư tiền cho bị đơn so với mức lãi suất và thời hạn tính lãi từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ không bán mía cho nguyên đơn.

[1.2] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn. Bị đơn chỉ có ông H tham gia tố tụng, còn bà L bỏ đi khỏi địa phương, bà L không thông báo cho người khởi kiện biết về địa chỉ mới của bà L. Do đó, Toà án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông H và yêu cầu ông H cam kết thông báo cho bà L biết. Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo nhiều lần qua số điện thoại 0979.138.760, bà L đã biết được thông tin về việc nguyên đơn khởi kiện, nH bà L không tham gia tố tụng và cung cấp địa chỉ. Vụ án được đưa ra xét xử lần thứ

nhất vào ngày 28/9/2018 nhưng bị đơn vắng mặt, phiên tòa thứ hai bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, và điểm b, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn (bà T) và bị đơn (ông H) đều thừa nhận, nguyên đơn đầu tư tiền và vật tư cho bị đơn trồng mía từ nhiều năm. Đến vụ T hoạch mía, bị đơn phải có trách nhiệm T hoạch mía cây bán cho nguyên đơn để khấu trừ vào số tiền mà nguyên đơn đã đầu tư bị đơn. Sau khi kết thúc vụ T hoạch mía năm 2017, ngày 31/5/2017 nguyên đơn và bị đơn tiến hành đối chiếu, quyết toán xác nhận nợ với nhau, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn 114.000.000đồng tiền đầu tư. Đây là những tình tiết không phải chứng minh. NH đến cuối năm 2017 và đầu năm 2018 bị đơn không có mía để bán cho nguyên đơn, nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn 114.000.000đồng(1).

[2.2] Đối với khoản tiền 5.000.000đồng bà L ứng bà T ngày 23/6/2017, các bên có tranh chấp:

Thời gian này bà L và ông H vẫn chung sống với nhau, bà L ứng tiền của bà T nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Bởi vì, ngày 31/5/2017 bà T và vợ chồng ông H quyết toán, theo đó vợ chồng ông H xác nhận còn nợ bà T 114.000.000đồng tiền đầu tư trồng mía, ngày 23/6/2017 bà L ứng 5.000.000đồng của bà T để chăm sóc mía phục vụ lợi ích chung của vợ chồng là phù hợp với thực tế. Theo Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì "vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình". Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nH bà L không về địa phương để giải quyết và không có ý kiến trình bày. Nên vợ chồng ông H bà L cùng phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà T tiền 5.000.000đồng(2) mà bà L ứng bà T ngày 23/6/2017.

Như vậy, bị đơn vợ chồng ông H bà L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà T 119.000.000đồng tiền gốc(1+2).

[2.3] Về tiền lãi của khoản tiền 119.000.000đồng nguyên đơn đầu tư cho bị đơn, các bên có tranh chấp.

Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn với bị đơn là nhằm mục đích phát triển kinh tế. Bị đơn nhận đầu tư tiền của nguyên đơn thì phải chịu tiền lãi từ khi nhận đầu tư đến khi bị đơn bán mía cho nguyên đơn là thực tế. Bị đơn là người vi phạm nghĩa vụ, nH do các bên không thỏa Tận rõ về tiền lãi của khoản tiền đầu tư tính từ thời điểm nào, lãi suất bao nhiêu. Bị đơn không chấp nhận trả tiền lãi của khoản tiền nợ đầu tư, nên không có căn cứ để xác định rằng các bên có thỏa Tận về lãi suất và thời điểm tính lãi suất.

Theo Giấy vay tiền đề ngày 31/5/2017 thì cuối năm 2017 (ngày 10/01/2018) bị đơn mới có nghĩa vụ trả tiền (tức bán mía và thanh toán tiền với bà T). Nên tiền lãi chỉ được tính từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ không bán mía cho bà T, cụ thể là từ ngày 10/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/10/2018). HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 438 BLDS để tính tiền lãi của số tiền nợ đầu tư và buộc bị đơn phải chịu lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất. Lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS là 10%/ năm (lãi quá hạn là 15%/ năm, tức 1,25%/ tháng). Cụ thể, buộc vợ chồng ông H bà L phải trả cho bà T 13.784.000đồng[(3)] = (278 ngày : 30) x 119.000.000đồng x 1,25%/tháng.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu HĐXX tính toán lại tiền lãi theo pháp luật, nên cần đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn theo đơn khởi kiện về tiền lãi so với yêu cầu được HĐXX chấp nhận, chênh lệch là 2.876.000đồng (16.660.0000đồng tiền lãi theo đơn khởi kiện trừ 13.784.000đồng tiền lãi được HĐXX chấp nhận).

Do vậy, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 132.784.000đồng [(1+2+3)], bao gồm 119.000.000đồng tiền nợ gốc và 13.784.000đồng tiền lãi (tiền lãi tính đến ngày 15/10/2018)

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận 132.784.000đồng x 5% = 6.639.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 438 BLDS, khoản 2 Điều 468 BLDS; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị T:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Trương Hồng L phải trả cho bà Đỗ Thị T 132.784.000đồng (Một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm tám mươi tư ngàn đồng), bao gồm 119.000.000đồng tiền nợ gốc và 13.784.000đồng tiền lãi tiền lãi (tiền lãi tính đến ngày 15/10/2018).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Đỗ Thị T yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Trương Hồng L phải trả 2.876.000đồng tiền lãi.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Trương Hồng L phải chịu 6.639.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Đỗ Thị T 3.392.000đồng đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai T tiền số AA/2017/0006078 ngày 05/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrắk.

3.Thông báo quyền kháng cáo.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Dương

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện M'Đrắk;
-Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrắk;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.